

Số: 526/BC-STC

Hà Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các kiến nghị của KTNN khu vực VII

(Kiểm toán NSNN niên độ 2018, chuyên đề y tế giai đoạn 2016-2018 và chuyên đề quản lý, sử dụng nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2014-2018)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 3453/UBND-KTTH ngày 20/10/2020 về việc lập báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của KTNN - Khu vực VII.

Căn cứ kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN khu vực VII do các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh như sau:

I. Kiến nghị kiểm toán giảm tăng thu ngân sách *(Chi tiết theo phụ biểu số 01a)*

- Tổng số kiến nghị: 40.614.110.945 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 40.361.778.236 đồng
- + Chuyên đề cơ chế tự chủ bệnh viện công lập: 252.332.709 đồng
- Số đã thực hiện: 1.737.132.047 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 1.484.799.338 đồng
- + Chuyên đề cơ chế tự chủ bệnh viện công lập: 252.332.709

- Số chưa thực hiện: 38.876.978.898 đồng (Công ty Cổ phần cơ khí và KTKS do không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán với Công ty, Công ty chưa đồng ý với kiến nghị của KTNN, Cục Thuế tỉnh đã gửi văn bản xin ý kiến Tổng Cục thuế về nội dung này song chưa nhận được văn bản trả lời).

II. Kiến nghị kiểm toán giảm chi thường xuyên *(Chi tiết theo phụ biểu số 02a)*

- Tổng số kiến nghị: 34.581.352.068 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 27.276.892.568 đồng
- + Chuyên đề y tế giai đoạn 2016-2018: 7.304.459.500 đồng
- Số đã thực hiện: 34.581.352.068 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 27.276.892.568 đồng
- + Chuyên đề y tế giai đoạn 2016-2018: 7.304.459.500 đồng

III. Kiến nghị kiểm toán giảm chi đầu tư (Chi tiết theo phụ biểu số 03a)

- Tổng số kiến nghị: 30.136.296.392 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 27.428.459.298 đồng
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018: 2.707.837.094 đồng
- Số đã thực hiện: 29.759.480.518 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 27.079.580.451 đồng
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018: 2.679.900.067 đồng
- Số chưa thực hiện: 376.815.874 đồng các chủ đầu tư đã đôn đốc nhà thầu thực hiện nhưng nhà thầu chưa nộp trả ngân sách, gồm:
 - + Ngân sách địa phương: BQL dự án đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp 139.198.517 đồng (02 dự án), BQL DA đã đôn đốc các đơn vị thực hiện thu hồi; UBND huyện Xín Mần Công trình Trường THPT xã Nà Chì, HM: san ủi + đền bù GPMB + kê đá, bổ sung san nền kê bê tông, rãnh thoát nước 209.680.330 đồng. Nguyên nhân chưa thực hiện: do tính toán giá trị sai khác đã công nhằm hạng mục nằm trong công trình khác. UBND huyện sẽ xác nhận lại số liệu với KTNN sau khi hậu kiểm.
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018: 27.937.027 đồng do công trình chưa nghiệm thu quyết toán.

IV. Kiến nghị kiểm toán khác (Chi tiết theo phụ biểu số 04a)

- Tổng số kiến nghị: 22.207.753.248 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 1.839.753.248 đồng
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018: 20.368.000.000 đồng
- Số đã thực hiện: 17.390.526.148 đồng
- + Ngân sách địa phương 2018: 1.839.753.248 đồng
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018: 15.550.772.900 đồng.
- Số chưa thực hiện: 4.817.227.100 đồng
- + Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018 (Số còn lại chưa thu hồi 1.000 triệu đồng chủ đầu tư đang làm việc với Kho bạc nhà nước hoàn thiện thủ tục để thu hồi vốn ứng; Về số phí ứng vốn và phí phạt chậm trả của các chủ đầu tư 3,818 triệu đồng UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 3468/UBND-KTTH ngày 30/10/2019 giao cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Ban quản lý hoàn thiện thủ tục hồ sơ, xem xét miễn thu các khoản phí ứng vốn và phí ứng vốn quá hạn cho các Ban quản lý).

V. Bảng kê chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (*Chi tiết theo phụ biểu số 05*)

VI. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kiểm điểm trách nhiệm, cá nhân, tập thể (*Chi tiết theo phụ lục 06*)

Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã nghiêm túc thực hiện chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, TTr, QLNS, ĐT, HCSN. *10*

KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC



Phạm Kiều Vân
Phạm Kiều Vân

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC VII

Phụ biểu số 01/THKN-NĐNS2018

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế			Giảm nộp thừa NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ
					GTGT	TNDN	BVMT		
1	2	3	4	5	5.1	5.2	5.3	6	7
	Tổng cộng (I+II)								
1	Số KTNN kiến nghị (1)		40.614.110.945	39.880.831.288	519.711.285	39.325.746.503	35.373.500	155.866.781	577.412.876
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-	-	-	-	-
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		40.614.110.945	39.880.831.288	519.711.285	39.325.746.503	35.373.500	155.866.781	577.412.876
5	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-	-	-	-	-
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)		40.614.110.945	39.880.831.288	519.711.285	39.325.746.503	35.373.500	155.866.781	577.412.876
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
I	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2018								
1	Số KTNN kiến nghị (1)		40.361.778.236	39.628.498.579	493.232.285	39.099.892.794	35.373.500	155.866.781	577.412.876
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-	-	-	-
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-	-	-	-	-
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		40.361.778.236	39.628.498.579	493.232.285	39.099.892.794	35.373.500	155.866.781	577.412.876
5	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-	-	-	-	-
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)		40.361.778.236	39.628.498.579	493.232.285	39.099.892.794	35.373.500	155.866.781	577.412.876
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
II	Chuyên đề cơ chế tự chủ bệnh viện công lập								
1	Số KTNN kiến nghị (1)		252.332.709	252.332.709	26.479.000	225.853.709			
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-	-			
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-	-			
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		252.332.709	252.332.709	26.479.000	225.853.709			
5	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-	-			
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)		252.332.709	252.332.709	26.479.000	225.853.709			
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0%	0%	0%	0%			

CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIẢM TĂNG THU NGÂN SÁCH

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
	Tổng A+B	40.614.110.945	1.737.132.047	38.876.978.898	
A	NSDP năm 2018	40.361.778.236	1.484.799.338	38.876.978.898	
I	Thuế GTGT	493.232.285	490.234.512	2.997.773	
1	Công ty CP cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang	2.997.773	-	2.997.773	Công ty chưa đồng ý với kết luận của KTNN (không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán và Công ty CP phần cơ khí và KTKS Hà Giang)
2	Công ty TNHH 868	24.504.267	24.504.267	-	
3	Công ty TNHH MTV Tín Phát	17.933.818	17.933.818	-	
4	Công Ty TNHH Bảo Anh	28.298.987	28.298.987	-	
5	Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng Miền Bắc	88.321.776	88.321.776	-	
6	Công ty CP Kiến Trúc Việt	41.820.257	41.820.257	-	
7	Công Ty TNHH Nội Thất Việt	9.521.500	9.521.500	-	
8	Công ty TNHH Thuận Linh HD	28.878.291	28.878.291	-	
9	Công ty TNHH MTV Mai Nhung	15.113.582	15.113.582	-	
10	Công Ty TNHH MTV Việt An	75.016.818	75.016.818	-	
11	Công ty TNHH MTV Đầu tư Thành Đạt	83.922.475	83.922.475	-	
12	Công Ty TNHH MTV Yên Nhi	20.011.245	20.011.245	-	
13	Công ty TNHH MTV Hương Lan	47.891.496	47.891.496	-	
14	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	9.000.000	9.000.000	-	
II	Thuế TNDN	39.099.892.794	225.911.669	38.873.981.125	
1	Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang	38.873.981.125	-	38.873.981.125	Công ty chưa đồng ý với kết luận của KTNN (không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán và Công ty CP phần cơ khí và KTKS Hà Giang)
2	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Đông Á	22.654.669	22.654.669	-	
3	Công ty TNHH Kỳ Nam	38.819.580	38.819.580	-	

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
4	Công ty TNHH Thuận Linh HD	1.439.941	1.439.941	-	
5	Công ty TNHH MTV Đầu tư Thành Đạt	116.503.486	116.503.486	-	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	35.800.000	35.800.000	-	
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	10.693.993	10.693.993	-	
III	Phí BVMT	35.373.500	35.373.500	-	
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Thành Đạt	35.373.500	35.373.500	-	
IV	Giảm nộp thừa NSNN về thuế	155.866.781	155.866.781	-	
1	Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang	23.498.367	23.498.367	-	
2	Cty TNHH 5999	132.368.414	132.368.414	-	
V	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	577.412.876	577.412.876	-	
1	Công ty TNHH Kỳ Nam	13.338.201	13.338.201	-	
2	Hợp tác xã Hướng Dung	22.963.646	22.963.646	-	
3	Công ty Cổ phần TM Hải Đoàn	2.226.773	2.226.773	-	
4	Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần	32.042.559	32.042.559	-	
5	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Đông Á	11.327.334	11.327.334	-	
6	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và PTHT Sơn Vũ	23.483.636	23.483.636	-	
7	Công ty Cổ phần giao thông XD số 1	472.030.727	472.030.727	-	
B	CHUYÊN ĐỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ BỆNH VIỆN CÔNG LẬP	252.332.709	252.332.709	-	
I	Thuế GTGT	26.479.000	26.479.000	-	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	9.250.000	9.250.000	-	
2	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	13.875.000	13.875.000	-	
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	3.354.000	3.354.000	-	
II	Thuế TNDN	225.853.709	225.853.709	-	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	24.574.709	24.574.709	-	
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	99.800.000	99.800.000	-	
3	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	98.125.000	98.125.000	-	
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	3.354.000	3.354.000	-	

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC VII

Phụ biểu số 02/THKN-NĐNS2018

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIẢM CHI THUỜNG XUYÊN NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	10
	Tổng cộng (I+II)							
	Số KTNN kiến nghị (1)	34.581.352.068	2.008.000	-	1.358.558.629	33.220.785.439		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-						
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-						
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	34.581.352.068	2.008.000	-	1.358.558.629	33.220.785.439		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	-						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	34.581.352.068	2.008.000	-	1.358.558.629	33.220.785.439		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0	0		0	0		
I	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2018							
	Số KTNN kiến nghị (1)	27.276.892.568	2.008.000		1.358.558.629	25.916.325.939		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-		-	-		
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	27.276.892.568	2.008.000	-	1.358.558.629	25.916.325.939		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-		-	-		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	27.276.892.568	2.008.000	-	1.358.558.629	25.916.325.939		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0	0		0	0		
II	Chuyên đề cơ chế tự chủ bệnh viện công lập							
1	Số KTNN kiến nghị (1)	7.304.459.500				7.304.459.500		
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-		
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-		
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	7.304.459.500	-	-	-	7.304.459.500	-	-

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	10
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-	-	-	-		
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	7.304.459.500	-	-	-	7.304.459.500		
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0				0		

CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
	Tổng A+B	34.581.352.068	34.581.352.068		
A	NSDP năm 2018	27.276.892.568	27.276.892.568		
I	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	2.008.000	2.008.000		
1	Huyện Mèo Vạc	2.008.000	2.008.000	0	
II	Thu hồi kinh phí thừa	1.358.558.629	1.358.558.629	0	
1	Huyện Mèo Vạc	256.600.000	256.600.000	0	
2	Huyện Xín Mần	731.368.629	731.368.629	0	
3	Huyện Quang Bình	303.290.000	303.290.000	0	
4	Huyện Bắc Quang	67.300.000	67.300.000	0	
III	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	25.916.325.939	25.916.325.939	0	
1	Sở Tài chính	8.856.000.000	8.856.000.000	0	
2	Huyện Mèo Vạc	4.164.992.400	4.164.992.400	0	
3	Huyện Đồng Văn	1.158.000.000	1.158.000.000	0	
4	Huyện Xín Mần	1.861.600.000	1.861.600.000	0	
5	Huyện Quang Bình	1.231.414.483	1.231.414.483	0	
6	Huyện Bắc Quang	5.903.301.000	5.903.301.000	0	
7	Thành phố Hà Giang	1.515.404.700	1.515.404.700	0	
8	Sở Công thương	42.925.865	42.925.865	0	
9	Sở Giao thông Vận tải	319.601.914	319.601.914	0	
10	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	21.000.000	21.000.000	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	165.000.000	165.000.000	0	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	268.964.000	268.964.000	0	
13	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	408.121.577	408.121.577	0	
B	KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ Y TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2018	7.304.459.500	7.304.459.500	0	
I	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	7.304.459.500	7.304.459.500	0	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	704.000.000	704.000.000	0	
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	210.000.000	210.000.000	0	
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	820.400.000	820.400.000	0	
4	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	486.800.000	486.800.000	0	
5	Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên	818.000.000	818.000.000	0	
6	Bệnh viện Đa khoa Quang Bình	986.800.000	986.800.000	0	
7	Bệnh viện Đa khoa Bắc Quang	1.378.000.000	1.378.000.000	0	
8	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	328.000.000	328.000.000	0	
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	202.000.000	202.000.000	0	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	199.000.000	199.000.000	0	
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Minh	765.000.000	765.000.000	0	
12	Bệnh viện y dược cổ truyền	235.000.000	235.000.000	0	
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	171.459.500	171.459.500	0	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Điều chỉnh giảm dự toán, giá trị hợp đồng	Nộp các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng (A+B)									
1	Số KTNN kiến nghị (1)	30.136.296.392	3.049.815.672	-	-	14.823.953.813	-	9.320.478.117	-	2.942.048.791
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-							
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-							
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	30.136.296.392	3.049.815.672	-	-	14.823.953.813	-	9.320.478.117	-	2.942.048.791
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-							
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	30.136.296.392	3.049.815.672	-	-	14.823.953.813	-	9.320.478.117	-	2.942.048.791
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%		0%		0%
I	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2018									
1	Số KTNN kiến nghị (1)	27.428.459.298	2.808.295.609			13.963.487.427		8.680.274.814		1.976.401.449
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-			-		-		-
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-			-		-		-
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	27.428.459.298	2.808.295.609	-	-	13.963.487.427	-	8.680.274.814	-	1.976.401.449
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-			-		-		-
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	27.428.459.298	2.808.295.609	-	-	13.963.487.427	-	8.680.274.814	-	1.976.401.449
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%		0%		0%
II	Chuyên đề quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018									
1	Số KTNN kiến nghị (1)	2.707.837.094	241.520.063			860.466.386		640.203.303		965.647.342
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-				
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-				
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.707.837.094	241.520.063	-	-	860.466.386	-	640.203.303	-	965.647.342
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-	-	-	-				
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.707.837.094	241.520.063	-	-	860.466.386	-	640.203.303	-	965.647.342
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%		0%		0%

CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIẢM CHI ĐẦU TƯ

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
	Tổng A+B	30.136.296.392	29.759.480.518	376.815.874	
A	NSDP năm 2018	27.428.459.298	27.079.580.451	348.878.847	
I	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	2.808.295.609	2.669.097.092	139.198.517	
1	UBND huyện Bắc Quang	411.867.429	411.867.429	0	
-	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vố Diêm	149.441.109	149.441.109		
-	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mý thôn Bư xã Đồng Yên huyện Bắc Quang	2.800.718	2.800.718		
-	Đường từ KM238+300 QL 2 vào khu vực thao trường bản thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	74.919.207	74.919.207		
-	Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và san nền, tường kè, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	184.706.395	184.706.395		
2	UBND huyện Đồng Văn	123.360.362	123.360.362	0	
-	Nâng cấp thu sửa cột cờ quốc gia xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	49.949.219	49.949.219		
-	Hồ chứa nước sinh hoạt Phìn Xả, xã Sính Lũng, huyện Đồng Văn	73.411.143	73.411.143		
3	UBND huyện Mèo Vạc	170.973.410	170.973.410	0	
-	Kè chống sạt lở đôn trạm biên phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	33.833.636	33.833.636		
-	Hồ chứa nước sinh hoạt Sùng Quảng, xã Sùng Mang, huyện Mèo Vạc	116.081.774	116.081.774		

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
-	Đường Giàng Chu Phìn - Tà Cua Si - Hạt 7 xã Xín cái, huyện Mèo Vạc	21.058.000	21.058.000		
4	UBND huyện Xín Mần	815.051.244	815.051.244	0	
-	Kè chống sạt lở Ta Luy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xín Mần	297.760.120	297.760.120		
-	Trường THPT xã Nà Chì huyện Xín Mần, HM: san ủi + đèn bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè Bê tông, rãnh thoát nước	9.831.360	9.831.360		
-	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngồ, Pà Vây Sù, Thèn Phàng huyện Xín Mần	507.459.764	507.459.764		Đã điều chỉnh giảm trừ trong điều chỉnh quyết toán dự án đầu tư hoàn thành
5	UBND huyện Quang Bình	773.803.290	773.803.290	0	
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Xuân Minh, huyện Quang Bình - xã Thông nguyên, huyện Hoàng su Phì	504.193.185	504.193.185		
-	Cải tạo, nâng cấp, mở mới, bê tông hóa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Hương Sơn, huyện Quang Bình đi xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	10.000.000	10.000.000		
-	Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn đến ôi QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	259.610.105	259.610.105		
6	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp & PTNT	268.517.462	268.517.462	0	
-	Kè chống sạt lở Trung tâm xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình	268.517.462	268.517.462		
7	Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp	244.722.412	105.523.895	139.198.517	

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
-	Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi (DAĐT04) thuộc đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	105.523.895	105.523.895	0	Đã thực hiện giảm trừ trong QTA-B, Đang thẩm tra quyết toán.
-	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	93.821.445	0	93.821.445	Đã đơn đốc các đơn vị thực hiện
-	Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang	45.377.072	0	45.377.072	Đã đơn đốc các đơn vị thực hiện
II	Giảm thanh toán	13.963.487.427	13.963.487.427	0	
1	UBND huyện Bắc Quang	864.078.933	864.078.933	0	
-	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vồ Diêm	99.394	99.394		
-	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mỹ thôn Bư xã Đồng Yên huyện Bắc Quang	211.847.470	211.847.470		
-	Đường từ KM238+300 QL 2 vào khu vực thao trường bản thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	245.572	245.572		
-	Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và san nền, tường kè, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2.342	2.342		
-	Đường Đồng Tâm - Tân Quang, huyện Bắc Quang	651.884.155	651.884.155		
2	UBND huyện Đồng Văn	1.314.695.622	1.314.695.622	0	

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
-	Nâng cấp thu sửa cột cờ quốc gia xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	672.275.089	672.275.089		
-	Nâng cấp đường từ Cột cờ Quốc Gia Lũng Cú ra đất mũi thôn Sáo Lũng xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	571.586.159	571.586.159		
-	Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn	70.834.374	70.834.374		
3	UBND huyện Mèo Vạc	732.711.760	732.711.760	0	
-	Kè chống sạt lở đôn trạm biên phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	466.092.760	466.092.760		
-	Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã PẢ VI, Mèo Vạc	191.384.000	191.384.000		
-	Đường Giàng Chu Phìn - Tà Cua Si - Hạt 7 xã Xín cái, huyện Mèo Vạc	75.235.000	75.235.000		
4	UBND huyện Xín Mần	4.395.606.130	4.395.606.130	0	
-	Trường THCS xã Nà Chì huyện Xín Mần, HM: Nhà đa năng + các hạng mục phụ trợ	2.668.361.122	2.668.361.122		
-	Trường THPT xã Nà Chì huyện Xín Mần, HM: san ủi + đền bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè Bê tông, rãnh thoát nước	551	551		
-	Nâng cấp đường Cốc Rế - Tá Nhù - Chế Là - Nấm Dẩn và đường vào UBND xã Thu Tà	1.590.384.551	1.590.384.551		
-	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngò, Pả Vây Sù, Thèn Phàng huyện Xín Mần	136.859.905	136.859.905		Đã điều chỉnh giảm trừ trong điều chỉnh quyết toán dự án đầu tư hoàn thành
5	UBND huyện Quang Bình	2.178.003.613	2.178.003.613	0	

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC VII

Phụ biểu số 04/THKN-NĐNS2018

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng cộng (A+B)		
1	Số KTNN kiến nghị (1)	22.207.753.248	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	22.207.753.248	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	22.207.753.248	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	
I	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2018		
1	Số KTNN kiến nghị (1)	1.839.753.248	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.839.753.248	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.839.753.248	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	
II	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018		
1	Số KTNN kiến nghị (1)	20.368.000.000	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	20.368.000.000	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	20.368.000.000	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	

CHI TIẾT KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN KHÁC

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
	Tổng A+B	22.207.753.248	17.390.526.148	4.817.227.100	
A	NSDP 2018	1.839.753.248	1.839.753.248	0	
I	Kiến nghị Giảm lỗ từ kết quả sản xuất kinh doanh	641.050.063	641.050.063	0	
1	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và PTHT Sơn Vũ	234.836.364	234.836.364		
2	Công Ty TNHH Bảo Anh	406.213.699	406.213.699		
II	Kiến nghị Giảm phải thu NSNN về thuế TNDN	1.198.703.185	1.198.703.185		
1	Công ty Cổ phần giao thông XD số 1	31.401.903	31.401.903		
2	Công ty TNHH 868	12.222.607	12.222.607		
3	Công ty TNHH Hoàng Nam	12.626.066	12.626.066		
4	Công ty TNHH MTV Tín Phát	1.248.998	1.248.998		
5	Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng Miền Bắc	14.245.989	14.245.989		
6	Công ty CP Kiến Trúc Việt	22.030.040	22.030.040		
7	Công Ty TNHH Nội Thất Việt	81.124.544	81.124.544		
8	Công ty TNHH MTV Mai Nhung	21.794.084	21.794.084		
9	Công Ty TNHH Huy Phương	14.464.569	14.464.569		

STT	NỘI DUNG	SỐ KIẾN NGHỊ	SỐ THỰC HIỆN	SỐ CHƯA THỰC HIỆN	NGUYÊN NHÂN SỐ KIẾN NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN
10	Công Ty TNHH MTV Việt An	1.154.228	1.154.228		
11	Hợp tác xã Hướng Dung	14.789.508	14.789.508		
12	Công ty TNHH Sao Vàng	8.917.903	8.917.903		
13	Công ty TNHH 5999	8.423.912	8.423.912		
14	Công ty cổ phần Thương mại Hải Đoàn	27.517.906	27.517.906		
15	Công ty cổ phần Phát triển Xín Mần	905.310.089	905.310.089		
16	Công Ty TNHH MTV Yên Nhi	9.619.210	9.619.210		
17	Công ty TNHH MTV Hương Lan	5.124.765	5.124.765		
18	HTX thương mại vận tải và xây dựng Việt Tiến	6.686.864	6.686.864		
B	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018	20.368.000.000	15.550.772.900	4.817.227.100	
	UBND tỉnh Hà Giang: chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD công trình Khu kinh tế tỉnh Hà Giang và Ban QLDA ĐTXD công trình trọng điểm, hoàn ứng số tiền vay 16.550trđ và theo dõi hạch toán trả lãi 3.818trđ	20.368.000.000	15.550.772.900	4.817.227.100	Số còn lại chưa thu hồi 1.000 triệu đồng chủ đầu tư đang làm việc với Kho bạc nhà nước hoàn thiện thủ tục để thu hồi vốn ứng; Về số phí ứng vốn và phí phạt chậm trả của các chủ đầu tư 3,818 triệu đồng UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 3468/UBND-KTTH ngày 30/10/2019 giao cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Ban quản lý hoàn thiện thủ tục hồ sơ, xem xét miễn thu các khoản phí ứng vốn và phí ứng vốn quá hạn cho các Ban quản lý

1			Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang		Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN đồng thời tăng lợi nhuận chịu thuế, Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty CP gang thép Cao Bằng năm 2017, 2018; Giảm chi phí do điều chỉnh giảm phí bảo vệ môi trường.....		38.873.981.125								Công ty chưa đồng ý với kết luận của KTTN (không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán và Công ty CP phần cơ khí và KTKS Hà Giang)
2	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Đông Á		Ghi nhận chi phí không đủ cơ sở chứng minh phục vụ hoạt động SXKD, theo quy định tại điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC		22.654.669								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
3	Giấy nộp tiền 2650400	4/8/2020	Công ty TNHH Kỹ Nam		Ghi nhận chi phí theo hóa đơn không hợp lệ, các khoản chi phí không có đủ chứng từ chứng minh thực tế phát sinh theo quy định tại điều 4 thông tư 96/2015		38.819.580								Chưa thực hiện
4			Công ty TNHH Thuận Linh HD		Ghi nhận chi phí không đủ cơ sở chứng minh phục vụ hoạt động SXKD, không có đủ chứng từ chứng minh, không kịp thời ghi nhận doanh thu chi phí xây dựng đã hoàn thành nghiệm thu theo quy định tại điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC		1.439.941								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
5			Công ty TNHH MTV Dầu tu Thành Đạt		Không ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng dẫn đến nộp thiếu thuế GTGT		116.503.486								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
6			Sở Giáo dục và Đào tạo		Chưa kê khai nộp thuế TNDN phải nộp đối với khoản thu hoạt động liên kết đào tạo của trung tâm GDTX-HN		35.800.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
7			Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang		Chưa trích nộp tiền thuế đối với khoản thu cho thuê nhà và các khoản thu đào tạo lái xe		10.693.993								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
III			PHÍ BVMT				35.373.500								
1			Công ty TNHH MTV Dầu tu Thành Đạt		Áp sai mức thu theo Nghị quyết 71/2017/NQ-HĐND, áp sai công thức theo quy định tại nghị định 164/2016/NĐ-CP dẫn đến xác định thiếu phí BVMT		35.373.500								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
IV			Giảm nộp thừa NSNN về thuế				155.866.781								
1			Công ty cổ phần cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang		Do quy đổi xác định sản lượng tính phí BVMT chưa phù hợp		23.498.367								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
2			Cty TNHH 5999				132.368.414								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
V			Giảm thuế GTGT được khấu trừ				577.412.876								
1	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công ty TNHH Kỹ Nam		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		13.338.201								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
2	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Hợp tác xã Hướng Dung		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		22.963.646								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
3	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công ty Cổ phần TM Hải Đoàn		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		2.226.773								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
4	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công ty Cổ phần Phát triển Xin Mẫn		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		32.042.559								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
5	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Đông Á		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		11.327.334								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
6	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công ty TNHH đầu tư xây dựng và PHTT Sơn Vũ		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		23.483.636								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
7	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ		Công ty Cổ phần giao thông XD số 1		Giảm thuế GTGT được khấu trừ		472.030.727								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
VI			Chuyển để cơ chế tự chủ bệnh viện công lập				252.332.709								
VI.1			Thuế GTGT				26.479.000								
1	GINT số 5718706, 5718557	10/8/2019	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang		Bệnh viện chưa kê khai và nộp đầy đủ các sắc thuế đối với khoản thu hoạt động dịch vụ		9.250.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
2			Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình		Không kê khai nộp thuế đối với dịch vụ cho thuê nhà để xe, căng tin và nhà dinh dưỡng nấu ăn		13.875.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
3			Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc		Chưa kê khai nộp thuế đối với các khoản thu dịch vụ quy định tại thông tư 219/2013/TT-BTC		3.354.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
VI.2			Thuế TNDN				225.853.709								

1	GNT số 5718706, 5718557	10/8/2019	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Chưa kê khai nộp đầy đủ các sắc thuế đối với các khoản thu hoạt động dịch vụ	24.574.709								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
2	Giấy nộp tiền số 01, 02, 03, 06, 10, 11, 12, 13, 18, 15, 19, 20, 22, 23, 24, 25.	8/1/2020	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Chưa kê khai và nộp đầy đủ thuế TNDN đối với các khoản thu hoạt động liên doanh liên kết năm 2018	99.800.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
3			Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	Không kê khai nộp thuế TNDN đối với dịch vụ cho thuê nhà để xe, căng tin... kê khai thiếu thuế hoạt động liên doanh, liên kết	98.125.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
4			Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Chưa kê khai nộp thuế đối với các khoản thu dịch vụ quy định tại thông tư 219/2013/TT-BTC	3.354.000								Đơn vị đã thực hiện, chưa có chứng từ
B	Chứng từ giám chi thường xuyên					34.581.352.068	2.008.000	1.358.558.629	33.220.785.439				
I			Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai theo quy định				2.008.000	1.358.558.629	33.220.785.439				
1	GNT 01	12/30/2019	Huyện Mèo Vạc	Trung tâm GDNN-GDTX thanh toán tiền công tác phí không đúng hợp đồng			2.008.000						
II			Thu hồi kinh phí thừa										
1	GNT 01	11/27/2019	Huyện Mèo Vạc	Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2019				256.600.000					
2	GNT 01 + QĐ 2390	7/14/2019	Huyện Xin Mần	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi				731.368.629					
3	GNT 01 + QĐ 3193	1/31/2020	Huyện Quang Bình	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi				303.290.000					
4	QĐ 4587	12/17/2019	Huyện Bắc Quang	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi				67.300.000					
III			Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau						25.916.325.939				
1	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Tài chính	BTC Giảm trừ kinh phí CCTL					8.856.000.000				
2	QĐ 2617 và 2613	12/25/2019	Huyện Mèo Vạc	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL, giảm trừ DT năm sau KP bổ sung có mục tiêu					4.164.992.400				
3	QĐ 2617 và 2613	12/25/2019	Huyện Đồng Văn	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL, giảm trừ DT năm sau KP bổ sung có mục tiêu					1.158.000.000				
4	QĐ 2617	12/25/2019	Huyện Xin Mần	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					1.861.600.000				
5	QĐ 2617 ngày 25/12/2019, QĐ 3208 ngày 31/12/2019, QĐ 2424, 2426 ngày 8/10/2019		Huyện Quang Bình	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL, giảm trừ DT năm sau KP bổ sung có mục tiêu					1.231.414.483				
6	QĐ 2617, 2613, 2614 ngày 25/12/2019 và 4895 ngày 20/12/2019	12/25/2019	Huyện Bắc Quang	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL, giảm trừ DT năm sau KP bổ sung có mục tiêu, UBND huyện giảm trừ KP CCTL của các đơn vị					5.903.301.000				
7	QĐ 2617	12/25/2019	Thành phố Hà Giang	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					1.515.404.700				
8	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Công thương	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					42.925.865				
9	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Giao thông Vận tải	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					319.601.914				
10	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					21.000.000				
11	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					165.000.000				
12	QĐ 2613	12/25/2019	Sở Tài nguyên và Môi trường	Giảm trừ dự toán năm sau KP CCTL					268.964.000				
13	QĐ 2613		Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang						408.121.577				
			KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ Y TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2018										
I			Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau						7.304.459.500				
1	QĐ 2613/QĐ-UBND, đối chiếu kho lục quý IV năm 2019	25/12/2019	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					704.000.000				
2			Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					210.000.000				Đã thực hiện, chưa có chứng từ
3	QĐ 4311/QĐ-UBND	27/12/2019	Bệnh viện Đa khoa huyện Xin Mần	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					820.400.000				
4	QĐ 37/QĐ-UBND	10/1/2020	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					486.800.000				
5	QĐ 23/QĐ-UBND	6/1/2020	Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					818.000.000				
6	QĐ 3209/QĐ-UBND	31/12/2019	Bệnh viện Đa khoa Quang Bình	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					986.800.000				
7	QĐ 5190/QĐ-UBND	26/2/2020	Bệnh viện Đa khoa Bắc Quang	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					1.378.000.000				
8	QĐ 2613/QĐ-UBND	25/12/2020	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					328.000.000				
9	QĐ 2819/QĐ-UBND	31/12/2019	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					202.000.000				
10	QĐ 2078/QĐ-UBND		Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					199.000.000				
11	QĐ 241/QĐ-UBND	9/3/2020	Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Minh	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					765.000.000				
12	QĐ 2613/QĐ-UBND tỉnh	25/12/2019	Bệnh viện y dược cổ truyền	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					235.000.000				
13	QĐ 2296/QĐ-UBND huyện	21/11/2019	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của bệnh viện					171.459.500				

C	Chương từ giảm chi đầu tư											30.136.296.392	3.049.815.672	24.144.431.929	2.942.048.791	
1			Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định													
1			UBND huyện Bắc Quang										411.867.429			
-	QĐ phê duyệt QT 674/QĐ-UBND	4/5/2020	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Chấm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Võ Diêm	Do sai khối lượng, đơn giá									149.441.109			
-	QĐ phê duyệt QT 691/QĐ-UBND	7/5/2020	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mỹ thôn Bura xã Đồng Yên huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng									2.800.718			
-	QĐ phê duyệt QT 699/QĐ-UBND	5/5/2020	Đường từ KM238+300 QL 2 vào khu vực thao trường bắn thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	Do sai khối lượng									74.919.207			
-	QĐ phê duyệt QT 872/27/5/2020QĐ-UBND		Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và sân nền, tường kẻ, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Do sai khối lượng									184.706.395			
2			UBND huyện Đồng Văn										123.360.362			
-			Nâng cấp thu sửa cột cờ quốc gia xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng, đơn giá									49.949.219			Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	UNC số 001	31/12/2019	Hồ chứa nước sinh hoạt Phìn Xá, xã Sinh Lũng, huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng, đơn giá									73.411.143			
3			UBND huyện Mèo Vạc										170.973.410			
-			Kê chống sạt lở đôn trạm biển phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng, huện Mèo Vạc	Do sai khối lượng									33.833.636			Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Hồ chứa nước sinh hoạt Sùng Quảng, xã Sùng Mang, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng									116.081.774			Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Đường Giàng Chu Phìn - Tia Cua Si - Hạt 7 xã Xin cái, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng, đơn giá									21.058.000			Đã thực hiện, chưa có chứng từ
4			UBND huyện Xin Mần										815.051.244			
-	UNC	20/3/2015	Kê chống sạt lở Ta Luy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xin Mần	Do sai khối lượng									297.760.120			
-	Quyết toán A-B điều chỉnh		Trường THPT xã Nà Chì huyện Xin Mần, HM: san ủi + đắp bù GPMB + kê đá, bổ sung san nền kê Bế tổng, rãnh thoát nước	Do sai khối lượng									9.831.360			
-			Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngò, Pà Vây Sù, Thên Phàng huyện Xin Mần	Do sai khối lượng									507.459.764			Đã điều chỉnh giảm trừ trong điều chỉnh quyết toán dự án đầu tư hoàn thành
5			UBND huyện Quang Bình										773.803.290			
-	Giấy rút vốn đầu tư 123-08/01/2020, UNC 03-24/02/2020; UN 05-4/3/2020; UNC 04-4/3/2020		Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Xuân Minh, huyện Quang Bình - xã Thông nguyên, huyện Hoàng su Phi	Do sai khối lượng, đơn giá									504.193.185			
-			Cải tạo, nâng cấp, mở mới, bê tông hóa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Hương Sơn, huyện Quang Bình đi xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng									10.000.000			Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	ÚC 02-24/2/2020; giấy rút vốn đầu tư số 01-28/12/2019		Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn đến ôi QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	Do sai khối lượng									259.610.105			
6			Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp & PTNT										268.517.462			
-	GNT vốn đầu tư số 06-24/12/2019; số 08-16/01/2020		Kê chống sạt lở Trung tâm xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình	Do sai khối lượng									268.517.462			
7			Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp										244.722.412			
-			Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi (DADT04) thuộc đề án Ôn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng, đơn giá									105.523.895			Đã thực hiện giảm trừ trong QTA-B, Đang thẩm tra quyết toán.
-			Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ôn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	Do sai khối lượng, đơn giá									93.821.445			Đã dồn đốc các đơn vị thực hiện

-			Dự án Cầu treo qua Sông Gầm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng							45.377.072		
II			Giảm thanh toán										
1			UBND huyện Bắc Quang								864.078.933		
-	QĐ phê duyệt QT 674/QĐ-UBND	4/5/2020	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thia thôn Ca xã Võ Diêm	Do sai khối lượng, đơn giá							99.394		
-	QĐ phê duyệt QT 679/QĐ-UBND	5/5/2020	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mỹ thôn Bư xã Đồng Yên huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng							211.847.470		
-	QĐ phê duyệt QT 691/QĐ-UBND	7/5/2020	Đường từ KM238+300 QL 2 vào khu vực thao trường bắn thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	Do sai khối lượng							245.572		
-	QĐ phê duyệt QT 827/QĐ-UBND	27/5/2020	Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và sân nền, tường kẻ, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Do sai khối lượng							2.342		
-			Đường Đồng Tâm - Tân Quang, huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng							651.884.155		Chủ đầu tư đang thực hiện lập hồ sơ để nghị phê duyệt điều chỉnh giá trị QT theo KTN
2			UBND huyện Đồng Văn								1.314.695.622		
-	Dã giám trừ QT A - B		Nâng cấp thu sửa cột cờ quốc gia xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng, đơn giá							672.275.089		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	Dã giám trừ QT A - B		Nâng cấp đường từ Cột cờ Quốc Gia Lũng Cú ra đất mũi thôn Sáo Lũng xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng							571.586.159		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	Dã giám trừ QT A - B		Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn	Do sai khối lượng							70.834.374		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
3			UBND huyện Mèo Vạc								732.711.760		
-			Kê chống sạt lở đôn trạm biên phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng							466.092.760		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pá Vi Hạ, xã Pá Vi, Mèo Vạc	Do sai khối lượng, đơn giá							191.384.000		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Đường Giảng Chu Phìn - Tia Cua Si - Hạt 7 xã Xin cái, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng							75.235.000		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
4			UBND huyện Xin Mần								4.395.606.130		
-			Trường THCS xã Nà Chì huyện Xin Mần, HM: Nhà đa năng + các hạng mục phụ trợ	Do sai khối lượng							2.668.361.122		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	QT A - B điều chỉnh		Trường THPT xã Nà Chì huyện Xin Mần, HM: sân ủi + đèn bù GPMB + kẻ đá, bổ sung sân nền kẻ Bê tông, rãnh thoát nước	Do sai khối lượng							551		
-	BC thẩm tra 83	17/3/2020	Nâng cấp đường Cốc Rế - Tả Nhù - Chế Lả - Nậm Dân và đường vào UBND xã Thu Tả	Do sai khối lượng, đơn giá							1.590.384.551		
-			Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngò, Pá Vây Sù, Thôn Phùng huyện Xin Mần	Do sai khối lượng, đơn giá							136.859.905		Đã có QĐ phê duyệt quyết toán điều chỉnh nhưng chưa gửi chứng từ
5			UBND huyện Quang Bình								2.178.003.613		
-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Xuân Minh, huyện Quang Bình - xã Thông nguyên, huyện Hoàng su Phì	Do sai khối lượng, đơn giá							6.097.712		
-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Cải tạo, nâng cấp, mở mới, bê tông hóa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Hương Sơn, huyện Quang Bình đi xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng							683.288.577		
-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn đến ôi QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	Do sai khối lượng							19.565.718		
-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Trung tâm hội nghị huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	Do sai đơn giá							93.264.979		

-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét (Vùng nguy hiểm) xã Tân trịnh, huyện Quang Bình	Do sai đơn giá												792.906.148		
-	Điều chỉnh tại Phụ lục HD		Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Quang Bình	Do sai khối lượng, đơn giá												582.880.479		
6			UBND thành phố Hà Giang													1.498.328.829		
-			Dự án Kê bê tông suối Thác Ngaoan - xã Phương Thiện - Tp Hà Giang - tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng												222.843.495		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Kê chống sạt lở bờ tây sông Lô (Đoạn phía sau nhà văn hóa tổ 1), phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng												455.798.286		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Xây dựng khu xử lý chất thải rắn thành phố Hà Giang	Do sai khối lượng												645.158.491		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Hạ tầng cơ sở khu TDC phục vụ xây dựng đường Cầu Mè-Công viên nước Hà Phương, thành phố Hà Giang. Hạng mục: San ủi mặt bằng	Do sai khối lượng												174.528.556		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
7			Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp & PTNT													910.943.866		
-	Giấy đề nghị TT	8/01/2020 và 14/01/2020	Thủy lợi Ngọc Linh, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên	Do sai khối lượng												165.790.818		
-	Đã điều chỉnh theo QT A-B		Khắc phục bờ kè Sông Lô đoạn cầu Yên Biên II đến trường cao đẳng sư phạm Hà Giang (Đoạn từ cầu Yên Biên II đến Cầu Trắng) và đoạn từ cầu Yên Biên I đến giáp kè của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Do sai khối lượng												745.153.048		
8			Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp													2.069.118.674		
-			Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi (DADT04) thuộc đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng, đơn giá												929.343.262		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-	Đã điều chỉnh theo QT A-B		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	Do sai khối lượng, đơn giá												428.548.556		
-			Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang	Do sai khối lượng, đơn giá												217.548.340		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biển giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)	Do sai khối lượng												493.678.516		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
III			Điều chỉnh giảm dự toán, giá trị hợp đồng															
1			UBND huyện Bắc Quang													1.572.891.903		
-	PLJHD 42/2020	19/3/2020	Nâng cấp, cải tạo hồ chứa thủy lợi thôn Thia, xã Vô Diễm huyện Bắc Quang (phần bổ sung, đang thực hiện)	Do sai khối lượng												891.760.375		
-	Đã giám trong QĐ phê duyệt điều chỉnh DT		Đường Đồng Tâm - Tân Quang, huyện Bắc Quang	Do sai khối lượng												681.131.528		
2			UBND huyện Đồng Văn													114.007.133		
-	Đã giám giá trúng thầu		Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn	Do sai khối lượng												114.007.133		
3			UBND huyện Mèo Vạc													133.445.000		
-			Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pá Vi Hạ, xã Pá Vi, Mèo Vạc	Do sai khác												13.366.000		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Đường Giảng Chu Phìn - Tia Cua Si - Hạt 7 xã Xin cái, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng, sai khác												120.079.000		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
4			UBND huyện Quang Bình													488.310.458		
-	Đã điều chỉnh phụ lục HD		Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang (Đoạn đến ôi QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	Do sai khối lượng												148.404.868		

-	Dã điều chỉnh phụ lục HD		Trung tâm hội nghị huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang		Do sai khối lượng											70.542.388		
-	Dã điều chỉnh phụ lục HD		Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét (Vùng nguy hiểm) xã Tân trịnh, huyện Quang Bình		Do sai khối lượng, sai khác											94.325.722		
-	Dã điều chỉnh phụ lục HD		Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Quang Bình		Do sai khối lượng, sai khác											175.037.479		
5			Ban QDLA ĐTXD CT Dân dụng & Công nghiệp													6.371.620.320		
-			Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê		Do sai khối lượng, sai đơn giá											596.813.587		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 2 (DA05): Nâng cấp cải tạo đường trục liên thôn Nậm Đầu - Lũng Càng - Lũng Hảo xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang t		Do sai khối lượng, sai đơn giá											580.331.825		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Dự án Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang		Do sai khối lượng, sai khác											2.118.103.799		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)		Do sai khối lượng, sai đơn giá											3.076.371.109		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
IV			Kiến nghị khác															
1			UBND huyện Bắc Quang													1.542.111.160		
-	QĐ phê duyệt QT 674/QĐ-UBND	4/5/2020	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Võ Diêm		Dự án được TT nhà nước tỉnh Hà Giang thanh tra theo Quyết định 54/QĐ-TTtr ngày 24/6/2014 kết quả giám tra 29.557,592 đ, sau khi dự án đã được phê duyệt quyết toán											29.557.592		
-	Đã phê duyệt QT hoàn thành, hiện đang trình UBND tỉnh phê duyệt		Đường Đồng Tâm - Tân Quang, huyện Bắc Quang		Giảm giá trị khi phê duyệt lại giá gói thầu theo công văn 1480/UBND-CNGTXD ngày 14/6/2011											1.512.553.568		
2			UBND huyện Xín Mần													434.290.289		
-			Kè chống sạt lở Ta Luy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xín Mần		Kết quả thanh tra kiến nghị giám trừ, đơn vị đã thực hiện nộp NSNN nhưng trong QT giá trị vốn đầu tư DAHT chưa giám trừ											224.609.959		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Trường THPT xã Nà Chi huyện Xín Mần, HM: san ủi + đắp bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè Bê tông, rãnh thoát nước		Kết quả thanh tra kiến nghị giám trừ, đơn vị đã thực hiện nộp NSNN nhưng trong QT giá trị vốn đầu tư DAHT chưa giám trừ hết											209.680.330		Do tính toán giá trị sai khác đã cộng nhầm hạng mục thuộc công trình khác UBND huyện sẽ xác nhận lại số liệu với KTNV
I			CHUYỂN ĐỔI VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2014-2018															
1			Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định													241.520.063		
1			UBND huyện Bắc Quang															
-	GNTKP 08 ngày 24/6/2020; UNC 0234 ngày 25/6/2020;		Trụ sở UBND xã Việt Vinh		Do sai khối lượng, đơn giá											86.653.536		
-	GNTKP 03 ngày 22/6/2020; QĐ phê duyệt QT 729/QĐ-UBND ngày 13/5/2020		Xây dựng Cầu treo Ngòi cò, thị trấn Vinh Tuy, huyện Bắc Quang		Do sai khối lượng, đơn giá											29.114.950		
-			Thủy lợi Hàng Xã, thôn Vĩnh Trà, xã Vĩnh Phúc huyện Bắc Quang		Do sai khối lượng, đơn giá											12.813.817		
-			Dự án khắc phục hậu quả do khai thác khoáng sản xã Thượng Bình		Do sai khối lượng, đơn giá											22.881.820		
2			UBND huyện Mèo Vạc															
-			xây dựng mặt bằng trường mầm non xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc		Do sai khối lượng											21.842.949		
-	GNT ngày 27/2/2020 của BQLDA ĐTXD huyện Mèo Vạc		Hạng mục xây mới nhà lớp học 3 tầng, các công trình phụ trợ- Trường tiểu học Sủng Trà		Do sai khối lượng											91.847.125		
-			Hạng mục nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng học - Trường tiểu học xã Pá Vi		Do sai khối lượng											11.295.895		
-																41.586.812		
-																38.964.418		
3			UBND huyện Đồng Văn													62.207.910		
-			Cải tạo ,sửa chữa phòng NN-PTNT huyện Đồng Văn		Do sai khối lượng											15.632.529		Đã thực hiện, chưa có chứng từ

-			Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các ban xây dựng Đảng huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng								15.577.039		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Trụ sở làm việc UBND huyện Đồng Văn, hạng mục nhà làm việc 5 tầng	Do sai khối lượng								30.998.342		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
4			UBND huyện Quang Bình									811.492		
-			Nhà làm việc Phòng GD-ĐT	Do sai khối lượng, sai khác								199.026		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Đường giao thông, cải tạo hang đá phục vụ chiến đấu khu vực phòng thủ huyện Quang Bình	Do sai khối lượng, sai khác								612.466		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
II			Giảm thanh toán											
1			UBND thành phố Hà Giang									129.145.303		
-	Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số 108	14/01/2020	Dự án cải tạo sửa chữa nhà làm việc các phòng ban chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thành phố	Do sai khối lượng								11.452.323		Đã thực hiện
-			Dự án cầu treo Km4+200 QL.4c thôn Tùng Tào sang phường Ngọc Hà	Do sai khối lượng								19.338.449		Đã thực hiện
-	Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số 60	11/10/2019	Hạ tầng kỹ thuật khu vực phía sau trường THCS Quang Trung và trường tiểu học Nguyễn Huệ, phường Quang Trung, TP Hà Giang	Do sai khối lượng								19.324.785		Đã thực hiện
-			Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc phường Ngọc Hà, TP Hà Giang	Do sai khối lượng								79.029.746		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
2			UBND huyện Bắc Quang									16.018.237		
-			Công trình nâng cấp, rải nhựa đường Kim Ngọc- Thượng Bình	Sai đơn giá								16.018.237		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
3			UBND huyện Mèo Vạc									141.692.873		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Cải tạo, sửa chữa sân vận động huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng, đơn giá								60.956.525		
-			xây dựng mặt bằng trường mầm non xã Xin Cái, huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng, đơn giá								1.325		
-	Số 18/PLH D-XD; 18a/PLH D-KSTK; 16/PLHD; 11/PLHD-XD; 16a/PLHD-XD		Hạng mục xây mới nhà lớp học 3 tầng, các công trình phụ trợ- Trường tiểu học Sùng Trá	Do sai khối lượng, đơn giá								595		
-			Hạng mục nhà lớp học 2 phòng- Trường Mầm non xã Cán Chu phìn	Do sai khối lượng, đơn giá								23.784.259		
-			Hạng mục nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng học - Trường tiểu học xã Pá Vi	Do sai khối lượng, đơn giá								1.251		
-			Láng lát vỉa hè đoạn từ ngã 3 Xuân Hạc đi Bệnh viện huyện Mèo Vạc	Do sai khối lượng, đơn giá								56.948.918		
4			UBND huyện Đồng Văn									573.609.973		
			Trụ sở làm việc UBND huyện Đồng Văn, hạng mục nhà làm việc 5 tầng	Do sai khối lượng, đơn giá								270		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
			Nhà văn hóa xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	Do sai khối lượng, đơn giá								468.638.819		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
			Trung tâm giáo dục thường xuyên, huyện Đồng Văn, hạng mục san ta luy, kê đá +02 nhà lưu trú học sinh	Do sai khối lượng, đơn giá								104.970.884		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
III			Điều chỉnh giảm dự toán, giá trị hợp đồng											
1			UBND huyện Bắc Quang									58.998.869		
-	QĐ 4112/QĐ-UBND ngày 11/11/2019; PLHD 154/2019/PLHD ngày 19/9/2019		Công trình sửa chữa thủy lợi thôn Thượng, xã Bằng Hành	Sai đơn giá								58.998.869		
2			UBND huyện Đồng Văn									59.601.305		
-			Nhà văn hóa xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	Sai khối lượng								59.601.305		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
3			UBND huyện Xin Mần									116.507.018		Đã nộp 27.486.018 đ, chưa nộp 89.021.000 đ
-			Sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng huyện ủy	Sai khối lượng, sai khác								10.109.000		
-	4018/QĐ-UBND huyện	27/11/2019	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 177- 178 khu vực trung tâm huyện Xin Mần	Sai khối lượng, sai khác								78.912.000		
-			Nâng cấp, cải tạo trụ sở Hội người cao tuổi thành nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm du lịch huyện Xin Mần	Sai khối lượng, sai khác								27.486.018		
4			UBND huyện Quang Bình									405.096.111		
-			San ủi mặt bằng khu dân cư bóm trực 12	Sai khối lượng								32.669.044		Đã thực hiện, chưa có chứng từ

-			Hạt bảo vệ và phòng chống, chữa cháy rừng cấp bách huyện Quang Bình (hạng mục: kê, công, hàng rào, sân bê tông, nhà kho và một số hạng mục phụ trợ khác)		Sai khối lượng										228.949.005		Đã thực hiện, chưa có chứng từ
-			Sân ủi mặt bằng khu dân cư bầm trực 1	nối quốc lộ	Sai khối lượng										143.478.062		
IV			Kiến nghị khác														
1			Huyện Bắc Quang													557.127.974	
-	3526/QĐ-UBND	19/9/2019	Công trình: Sửa chữa thủy lợi thôn Thượng xã Bàng Hành huyện Bắc Quang		Theo BB xử lý hiện trường ngày 28/11/2017 Điều chỉnh thiết kế cắt giảm 259 m từ tuyến kênh N chuyển sang tuyến kênh C. với giá trị 557,1 triệu chủ đầu tư đã điều chỉnh hồ sơ TKBVTC, triển khai thi công và nghiệm thu tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán chưa có quyết định phê duyệt BC KTKT điều chỉnh											557.127.974	
2			Huyện Quang Bình													373.254.246	
-	2797/QĐ-UBND	10/27/2020	Hạt bảo vệ và phòng chống, chữa cháy rừng cấp bách huyện Quang Bình (Hạng mục: kê, công, hàng rào, sân bê tông, nhà kho và một số hạng mục phụ trợ khác)		Tính lại theo tỷ lệ giám trừ giá trị xây lắp và sai phạm khác											123.242.454	
-	2826/QĐ-UBND	10/29/2020	Sân ủi mặt bằng khu dân cư bầm trực 12		Tính lại theo tỷ lệ giám trừ giá trị xây lắp và sai phạm khác											40.423.881	Đã thực hiện
-	2827/QĐ-UBND	10/29/2020	Sân ủi mặt bằng khu dân cư bầm trực 1 nối quốc lộ 279 đến D6		Tính lại theo tỷ lệ giám trừ giá trị xây lắp và sai phạm khác											42.725.271	
-			Đường giao thông, cải tạo hang đá phục vụ chiến đấu khu vực phòng thủ huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang		Tính lại tỷ lệ theo quy định											166.862.641	
4.3			Huyện Xin Mần													35.265.122	
-			Sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng Huyện ủy huyện Xin Mần (Hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc + các hạng mục phụ trợ)		Do dự án đã được KTNB thực hiện kiểm toán nên chỉ phí thẩm tra quyết toán chỉ được tính 50%											8.176.246	Báo cáo số 753/BC-UBND huyện Xin Mần Công trình chưa nghiệm thu quyết toán.
-			Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 177-178 khu vực trung tâm huyện Xin Mần (giai đoạn I)													19.760.781	
-			Nâng cấp, cải tạo trụ sở Hội người cao tuổi thành nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm du lịch huyện Xin Mần													7.328.095	Đã thực hiện chưa gửi chứng từ
D	Chứng từ xử lý khác																

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý khác	Ghi chú
	Tổng cộng						
1	Số KTNN kiến nghị (1)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-	-	-	-	
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	0%	0%	
I	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2018						
1	Số KTNN kiến nghị (1)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
2	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-	
3	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-	
4	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
5	Số thực hiện của đơn vị (5)	-	-	-	-	-	
6	Số chưa thực hiện (6=4-5)	96.906.883.350	40.361.778.236	27.276.892.568	27.428.459.298	1.839.753.248	
7	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	0%	0%	

PHỤ LỤC 06

KIẾN NGHỊ CHẢN CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN, TẬP THỂ

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
A	Đối với UBND tỉnh Hà Giang				
I	Kiến nghị tại BCKT NSDP năm 2018				
1	Đối với UBND tỉnh Hà Giang				
(1)	Chỉ đạo Cơ quan Thanh tra tỉnh Hà Giang: thanh tra toàn diện việc thực hiện pháp luật về thuế năm 2018 đối với CTCP Tư vấn đầu tư xây dựng 279 (MST 5100313566) và Công ty TNHH MTV Tân Minh Hà Giang (MST 5100413793) do không thực hiện nghiêm túc công tác phối hợp cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ tài liệu, có dấu hiệu không chấp hành thông báo về việc kiểm tra đối chiếu thuế theo quy định của Luật KTNN; báo cáo kết quả thanh tra về Kiểm toán nhà nước khu vực VII.			x	Đã phê duyệt kế hoạch thanh tra 2020; Thực hiện chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 Về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó dịch Covid19 đến nay chưa thực hiện được dự kiến chuyển sang kế hoạch 2020.
(2)	Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xác định rõ đối tượng công nợ phải trả, việc hạch toán, kế toán theo chế độ kế toán hiện hành số tiền 26.459,7trđ; đồng thời xác định rõ số thuế TNDN và thuế GTGT phải nộp của Công ty TNHH Thanh Bình theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả về KTNN khu vực VII.	x			Công văn số 942/CT-NVDTTPC ngày 3/12/2019
(3)	Chỉ đạo Cục thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan:				
-	Kiểm tra, rà soát, tính toán, xác định khoản thu "tiền bảo vệ đất trồng lúa" trên địa bàn tỉnh Hà Giang, thực hiện đôn đốc, thu nộp đầy đủ vào NSNN theo quy định của pháp luật.	x			

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
-	Kiểm tra, rà soát xác định số tiền phí nước thải sinh hoạt phải nộp trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của Nghị định số 154/2016/NĐ-CP và văn bản pháp luật khác có liên quan, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định, đối niên độ năm 2018 và thời kỳ trước sau có liên quan; báo cáo kết quả về KTNN Khu vực VII.	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019; CV154/CT-NVDTPC ngày 9/3/2019 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang.
-	Tổ chức kiểm tra, rà soát các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, trên địa bàn toàn tỉnh (trong đó tập chung vào các DN cơ quan thuế đã thanh tra, kiểm tra thuế; các công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước), xác định đối tượng thuộc diện được ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành, báo cáo kết quả về KTNN; đồng thời hướng dẫn các doanh nghiệp kê khai điều chỉnh ưu đãi thuế TNDN theo đúng quy định.	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019; CV154/CT-NVDTPC ngày 9/3/2019 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang.
-	Chủ trì phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường, đơn vị có liên quan kiểm tra rà soát, xác định tiền thuê đất phải nộp NSNN đối với các Tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, thực hiện quản lý theo dõi tiền thuê đất theo quy định; trong đó:				
+	Nhóm hết hạn hợp đồng thuê đất tổng diện tích 242.898,4m2 của 9 tổ chức, đã được gia hạn và có phiếu chuyển thông tin.	x			Công văn số 144/STNMT-VP ngày 14/02/2020 của Sở Tài nguyên môi trường
+	Nhóm tổ chức có diện tích thuê đất chưa thu tiền thuê đất theo quy định tại Văn bản số 120/TTg-KTN ngày 30/01/2012 của Thủ tướng, của Công ty Điện lực Hà Giang diện tích 22.394,2 m2 (Sở Tài nguyên đã có các phiếu chuyển thông tin với diện tích 22.294,2m2, thiếu 100m2 của Chồng quá tải trạm biến áp Hạ Quang 1, xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình).	x			Công văn số 955/CT-NVDTPC ngày 6/12/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Giang gửi Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Giang
+	Nhóm được thuê đất nhưng đang được miễn, giảm tiền thuê đất là 52 tổ chức với diện tích 15.351.817,7 m2 đã chuyển thông tin địa	x			Công văn số 955/CT-NVDTPC ngày 6/12/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Giang gửi Sở tài nguyên

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	chính là 51 tổ chức với diện tích 13.010.367,7 m2, còn 1 tổ chức là Công ty TNHH Y học Bản địa Việt Nam - CN Hà Hà Giang với diện tích 2.341.500m2.				và môi trường tỉnh Hà Giang
+	Nhóm chưa xác định được số tiền thuê đất của 31 tổ chức với diện tích 855.635,5 m2, đã có chuyển thông tin địa chính của 491.869,1 m2; còn lại 3 tổ chức chưa có phiếu chuyển thông tin diện tích 363.766,4 m2.	x			Công văn số 144/STNMT-VP ngày 14/02/2020 của Sở Tài nguyên môi trường
+	Nhóm chưa thực hiện thủ tục thuê đất diện tích 173.707,5 m2 của: HTX tiểu thủ công nghiệp 3-2, Đầu tư khai thác, tuyển quặng antimon tại điểm mỏ antimon Bản Trang, xã Xín Cái diện tích 99.707,5 m2; HTX tiểu thủ công nghiệp 3-2, Đầu tư khai thác, tuyển quặng antimon tại điểm mỏ antimon Phe Thán, xã Sơn Vĩ diện tích 74.000 m2.	x			Công văn số 144/STNMT-VP ngày 14/02/2020 của Sở Tài nguyên môi trường
(4)	Chỉ đạo Sở Tài chính:				
-	Tham mưu, trình cấp thẩm quyền giao dự toán 10% tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện CCTL cho các đơn vị theo quy định của Luật NSNN và tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.	x			
-	Chỉ đạo ngân sách cấp dưới lập, gửi dự toán đúng thời gian, mẫu biểu đảm bảo dự toán địa phương gửi Bộ Tài chính được tổng hợp từ cơ sở; các cấp ngân sách bố trí và sử dụng dự phòng đúng quy định; phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo đảm bảo mức tối thiểu cấp trên giao.	x			Chỉ thị 244/CT-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh;
(5)	Thực hiện điều chỉnh dự toán theo đúng thời gian quy định của Luật NSNN và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; phân bổ kinh phí	x			

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	sự nghiệp giáo dục và đào tạo đúng tính chất nguồn kinh phí.				
(6)	Xem xét cấp tăng bổ sung cân đối bù hụt thu cho ngân sách cấp dưới trong điều kiện ngân sách tỉnh và cấp dưới sử dụng hết các biện pháp xử lý bù hụt thu theo quy định của Luật NSNN và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.	x			Chi thị 244/CT-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh;
(7)	Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan: Kiểm tra, rà soát xác định rõ các Chủ đầu tư chưa thực hiện đầy đủ, quy định đối với công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định, báo cáo UBND tỉnh có biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.	x			Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Văn bản số 2708/SKHĐT-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố, các chủ đầu tư để chấn chỉnh về công tác tổng hợp, báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư năm 2018.
(8)	Chỉ đạo Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan, nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với việc tham mưu, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với dự án: “Xây dựng khu xử lý chất thải rắn thành phố Hà Giang, Hạng mục: San ủi mặt bằng” không có trong Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025 (<i>ban hành theo Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh Hà Giang</i>) và các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch sử dụng đất thành phố Hà Giang giai đoạn 2011-2020.	x			Nội dung này đã báo cáo giải trình chi tiết tại Văn bản số 3263/UBND-KTTH ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh tại trang 14, 15. Đề nghị kiểm toán NN không xem xét nội dung này; BC số 57/Bc-SXD ngày 05/3/2020 của Sở XD đã nghiêm túc chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân tham mưu nội dung này trong cuộc họp ngày 04/3/2020.
(9)	Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn (<i>Cục Thuế, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường</i>) quản lý theo dõi số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 3.179.989.000đ của CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang theo quy định (<i>tại Điều 2 Quyết định 3068/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang và văn</i>	x			Công văn số 144/STNMT-VP ngày 14/02/2020 của Sở Tài nguyên môi trường

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	<i>bản quy phạm pháp luật có liên quan)</i>				
(10)	Tiếp tục theo dõi số dư ứng trước NSTW chưa thu hồi để Báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	x			
2	UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị				
2.1	Đối với Sở Tài chính				
(1)	Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn và quyết toán ngân sách cấp huyện đảm bảo các khoản chi chuyển nguồn phù hợp hướng dẫn tại các Công văn của KBNN về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm và khoản 3, khoản 5 Điều 64 Luật NSNN.	x			Công văn số 2483/STC-QLNS ngày 24/12/2019 V/v hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020
(2)	Tham mưu cho UBND tỉnh có các biện pháp quyết liệt, hiệu quả xử lý các Chủ đầu tư vi phạm công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ	x			CV số 282/STC-ĐT ngày 22/2/2019 của Giám đốc Sở TC; CV số 2322/STC-TC ngày 03/12/2019 của Giám đốc STC
2.2	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Giang				
(1)	Nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với công tác lập Kế hoạch đầu tư công đảm bảo tổng hợp đầy đủ nhu cầu kế hoạch vốn nguồn vốn TPCP, hoàn trả ứng trước dự toán ngân sách năm sau theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và văn bản pháp luật có liên quan.	x			Thực hiện Văn bản số: 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát danh mục dự án, dự kiến vốn và hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020, nhu cầu và dự kiến kế hoạch năm 2017, UBND tỉnh đã có Văn bản số 4332/UBND-KTTH ngày 29/11/2016 đầu tư cho 02 dự án (1 dự án giao thông và 01 dự án kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao kế hoạch

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
					vốn TPCP giai đoạn 2016-2020 (tại Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017) trong 02 năm 2017 và năm 2018. Đồng thời không giao kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước NSTW (vốn TPCP) do vậy không có cơ sở để hoàn trả vốn ứng trước theo kiến nghị của KTNN Khu vực VII
(2)	Rà soát, xác định phân loại số nợ đọng XDCB phát sinh, chi tiết đến các chủ đầu tư, cấp ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh có các biện pháp xử lý theo quy định của Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-TTg.	x			Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo số 667, 668/SKHĐT-THQH ngày 27/3/2020 về việc rà soát nợ đọng XDCB phát sinh trên địa bàn tỉnh đến 31/12/2019 và rà soát số liệu nợ đọng XDCB theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của TTCP
(3)	Rà soát xác định khả năng giải ngân thanh toán vốn TPCP kéo dài từ năm 2018 sang 2019 theo tiến độ thực hiện dự án và quy định của pháp luật; tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư có phương án điều chỉnh kế hoạch vốn TPCP trong trường hợp không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn giao, đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN; trong đó có Dự án Đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế - xã hội phía đông tỉnh Hà Giang, giáp danh tỉnh Cao Bằng.	x			Thực hiện chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin kéo dài thời gian thanh toán vốn năm 2018 sang năm 2020, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1083/UBND-KTTH ngày 13/4/2020 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Chính phủ, Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn TPCP năm 2018 đối với số vốn 53.809 triệu đồng. Đến ngày 12/8/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 5190/BKHĐT-TH không cho phép kéo dài kế hoạch đầu tư vốn NSTW, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách địa phương các năm 2016, 2017, 2018 sang năm 2020. Do đó, ngày 02/10/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND về việc nộp NSTW

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
					vốn TPCP năm 2018 còn dư với số tiền là 53.809 triệu đồng.
2.3	Cục Thuế tỉnh Hà Giang				
(1)	Đôn đốc các doanh nghiệp được kiểm tra đối chiếu thực hiện kê khai nộp thuế còn thiếu vào NSNN, thực hiện điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, giảm lỗ, giảm phải thu NSNN về thuế của các đơn vị do Kiểm toán nhà nước xác định (chi tiết tại Phụ lục số 08, 08a, 08b, 08c/BCKT-NSĐP). Thực hiện đôn đốc các đơn vị thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm tra, đối chiếu và xử phạt hành vi vi phạm theo quy định của luật quản lý thuế.	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019; CV154/CT-NVDTPC ngày 9/3/2019 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang
(2)	Theo dõi nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng đất vào báo cáo nợ thuế trên ứng dụng TMS; Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nợ thuế, tăng cường phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc đôn đốc, thu hồi nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019; CV154/CT-NVDTPC ngày 9/3/2019 của Cục Thuế tỉnh Hà Giang Chưa hoàn thành việc theo dõi nợ tiền sử dụng đất vào báo cáo nợ thuế trên TMS do các thủ tục giao đất chưa được thực hiện.
(3)	Chấn chỉnh và rút kinh nghiệm trong việc chưa cung cấp được quyết toán thuế TNDN năm 2008 của Công ty Cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang theo yêu cầu của Đoàn kiểm toán.	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019
(4)	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc không hướng dẫn người nộp thuế xác định ưu đãi và điều chỉnh các tờ khai thuế, dẫn đến việc giảm phải thu NSNN 1.198,7trđ thuế TNDN do các doanh nghiệp kê khai sai; trong việc hướng dẫn, xác định ưu đãi thuế TNDN đối với Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	x			Công văn số 942/CT-NVDTPC ngày 3/12/2019

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	không đúng quy định của pháp luật về ưu đãi thuế TNDN.				
2.4	Các chủ đầu tư/ Ban QLDA				
(1)	Các BQLDA (<i>Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp; Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban QLDA ĐTXD thành phố Hà Giang</i>); UBND huyện Bắc Quang, Quang Bình, Xin Mần, Mèo Vạc, Đồng Văn: Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập dự án, thiết kế, dự toán, ký kết hợp đồng, quản lý chất lượng, tiến độ, quản lý chi phí đầu tư, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các phát hiện tồn tại trong phần kết quả kiểm toán.	x			Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chấn chỉnh tại cuộc họp ngày 08/12/2019;
(2)	Các chủ đầu tư quản lý, thực hiện dự án: trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo kết luận của Kiểm toán nhà nước đối với các dự án đã phê duyệt quyết toán được kiểm toán chi tiết còn phát hiện sai sót	x			Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chấn chỉnh tại cuộc họp ngày 08/12/2019;
2.5	Sở Tài nguyên và môi trường:				
(1)	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc gửi văn bản xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Cục Thuế.	x			Văn bản 245/STNMT-KSN ngày 6/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường.
(2)	Phối hợp với Cục Thuế, cơ quan có liên quan rà soát và thực hiện quản lý theo dõi tiền thuê đất theo quy định.	x			Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh HG về việc giao cho Công ty điện lực HG thuê diện tích là 136 m ² ; Tuy nhiên trong quá trình soạn thảo báo cáo đoàn kiểm toán, do có sơ xuất nên cán bộ soạn thảo đã ghi thành 236 m ² ; Phiếu chuyển thông tin địa chính số

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
					31/PCTTĐC ngày 12/9/2016; Phiếu chuyển thông tin địa chính số 47, 48/PCTTĐC ngày 31/7/2019; Riêng Công ty CP ĐT khai thác khoáng sản và xây dựng Mê linh đến nay chưa xác định giá đất cụ thể nên chưa có căn cứ chuyển thông tin đại chính.
II	Kiến nghị chấn chỉnh trong công tác tổ chức thực hiện đối với Chuyên đề Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các bệnh viện công lập giai đoạn 2016-2018				
1	Đối với UBND tỉnh				
(1)	Chỉ đạo Sở Y tế và các đơn vị có liên quan, nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước không theo dõi đầy đủ, kịp thời kết quả phân bổ thuốc theo kết quả trúng thầu cho các đơn vị; số lượng điều chuyển đi, đến đảm bảo sát với nhu cầu thực tế sử dụng các cơ sở y tế để có các giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả theo quy định.	x			Công văn số 3902/UBND-KTTH ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Hà Giang - Báo cáo số 87/BC-SYT ngày 26/2/2020 của Sở Y tế. Quyết định số 968/QĐ-SYT ngày 04/11/2019 của Sở Y tế.
(2)	Chỉ đạo Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần; bệnh viện huyện Quang Bình xây dựng đề án cho thuê tài sản đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm đất, nhà làm việc công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập) trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 57 Luật quản lý sử dụng tài sản công 2017.	x			BVĐK Xín Mần đã chấm dứt đề án cho thuê bếp ăn tại Bệnh viện. (Báo cáo số: 33/BC-BVĐK ngày 13/4/2020 của BVĐK Xín Mần). BVĐK Quang Bình đã xây dựng lại đề án theo kết luận của KTNN và được UBND huyện phê duyệt theo phân cấp.
(3)	Chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Sở Y tế và các ngành có liên quan thực hiện thẩm định và trình phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho		x		Văn bản số 1936/SYT-VP ngày 05/12/2019 của Sở Y tế về việc triển khai thực hiện điều chỉnh,

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	các bệnh viện công lập theo quy định làm căn cứ pháp lý tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ; xác định nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan có liên quan trong việc chậm triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến phương án tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự đối với hoạt động của các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.				bổ sung Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị năm 2019.
(4)	Chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán (BVĐK huyện Bắc Quang; BVĐK huyện Vị Xuyên và BVĐK huyện Quang Bình) thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN đối với các khoản thu dịch vụ của đơn vị theo quy định Thông tư 128/2011/TT-BTC ngày 12/9/2011, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013.	x			Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Bắc Quang Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND huyện Vị Xuyên Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Quang Bình
(5)	Chỉ đạo Sở Y tế và cơ quan có liên quan, tham mưu cho UBND Tỉnh báo cáo Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc thanh toán đối với các dịch vụ xét nghiệm Viêm gan B, viêm gan C trước khi thực hiện các dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật đảm bảo quyền lợi của người bệnh có thẻ BHYT (hiện đang thu viện phí trực tiếp, bảo hiểm không thanh toán).	x			Tờ trình số 33/TTr-SYT ngày 21/02/2020 của Sở Y tế. Văn bản số 460/UBND-VHXXH ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thanh toán chi phí xét nghiệm HBsAg đối với người bệnh BHYT.
2	UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị				
(1)	Bệnh viện Đa khoa tỉnh:				
-	Thực hiện đúng các quy định Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 quy định tổ chức và hoạt động của Khoa dược Bệnh viện (lập đầy đủ các bảng biểu theo quy định; số liệu nhập trên sổ	x			Tại cuộc họp ngày 04/12/2019 họp Ban Giám

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	<i>X-N-T đảm bảo khớp đúng với số liệu nhập trong sổ kiểm nhập và chưa theo dõi đầy đủ hạn sử dụng các mặt hàng thuốc, hóa chất tại các Biên bản kiểm kê hàng tháng).</i>				đốc mở rộng và cuộc họp Khoa Dược ngày 13/12/2019
-	Thực hiện mua thuốc đảm bảo hạn sử dụng theo đúng kết quả đấu giá và hợp đồng với các nhà cung cấp	x			Tại cuộc họp ngày 04/12/2019 họp Ban Giám đốc mở rộng và cuộc họp Khoa Dược ngày 13/12/2019
(2)	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình: Chấn chỉnh trong việc chưa tổng hợp đầy đủ các khoản thu dịch vào Báo cáo tài chính và kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đối với các khoản thu hoạt động cho thuê nhà gửi xe, căng tin, nhà dinh dưỡng nấu ăn.	x			Công văn 601/SYT-KHTC ngày 10/4/2020 của Sở Y tế. Báo cáo số 27/BC-BV ngày 13/4/2020 của BV ĐK Quang Bình.
(3)	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên: Nộp kịp thời theo định kỳ 5 ngày/1 lần số tiền thu viện phí trực tiếp vào KBNN theo quy định; không được chia nhỏ các gói thầu sửa chữa nhà cửa, mua sắm giường bệnh, tủ đầu giường để thực hiện chi định thầu chưa đảm bảo theo quy định.	x			Công văn 601/SYT-KHTC ngày 10/4/2020 của Sở Y tế. Báo cáo số 33/BC-BV ngày 13/4/2020 của BV ĐK Vị Xuyên.
(4)	BVĐK huyện Xín Mần: Theo dõi, đối chiếu đầy đủ công nợ các nhà cung cấp thuốc.	x			Công văn 601/SYT-KHTC ngày 10/4/2020 của Sở Y tế. Báo cáo số 33/BC-BVĐK ngày 13/4/2020 của BV ĐK Xín Mần.
(5)	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang: Quy định rõ mức thu đối với dịch vụ mổ theo yêu cầu trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.	x			Công văn 601/SYT-KHTC ngày 10/4/2020 của Sở Y tế. Báo cáo số 102/BC-BVKV ngày 27/10/2020 của BV ĐKKV Bắc Quang.

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẰNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
III	Kiến nghị chấn chỉnh trong công tác tổ chức thực hiện đối với Chuyên đề việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018				
(1)	Đối với UBND tỉnh Hà Giang: Chỉ đạo Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang: Chấn chỉnh, nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác cấp GPXD để thực hiện dự án đầu tư khu dân cư đô thị mới Phương Thiện thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang không đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 15/2016/TT-BXD và điểm a, khoản 6, điều 41 Nghị định 59/2015/NĐ-CP và điểm b, khoản 2, điều 95 Luật Xây dựng 50/2014/QH13.	x			BC số 57/B-SXD ngày 05/3/2020 của Sở XD đã nghiêm túc chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân tham mưu nội dung này trong cuộc họp. Tuy nhiên không có Biên bản họp kèm theo.
(2)	UBND các huyện (Bắc Quang, Thành phố Hà Giang, Đồng Văn, Mèo Vạc, Quang Bình, Xín Mần): Chấn chỉnh công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán; công tác lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng (Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, số 46/2015/NĐ-CP; Thông tư số 09/2016/TT-BTC), đối với các tồn tại đã nêu trên.	x			Công văn số 2730/UBND-KTTH ngày 05/11/2019 UBND huyện Đồng Văn; Biên bản họp ngày 19/12/2019 của Ban quản lý dự án huyện Bắc Quang; Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình; Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 02/3/2020 huyện Mèo Vạc; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Xín Mần; Văn bản số 46/UBND-TCKH ngày 09/01/2020 của UBND TP Hà Giang
(3)	UBND huyện Bắc Quang: Chấn chỉnh công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng, đối với tồn tại đã nêu trên.	x			Biên bản họp ngày 19/12/2019 của Ban quản lý dự án huyện Bắc Quang;
(4)	Đối với UBND huyện Mèo Vạc: Chấn chỉnh công tác quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng (Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, số 46/2015/NĐ-CP...), đối với các tồn tại	x			

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	đã nêu trên;				
(5)	UBND các huyện (Quang Bình, Xín Mần): Tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại Điều 126, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 38, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đối với những dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.	x			Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Xín Mần
(6)	UBND huyện Quang Bình: Chấn chỉnh công tác quản lý tiến độ đối với tồn tại đã nêu trên;	x			Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình;
(7)	UBND các huyện (Quang Bình, TP Hà Giang, Xín Mần, Đồng Văn, Mèo Vạc): Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và thực hiện bố trí đủ 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc bản đồ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất theo quy định tại (Quyết định 513/QĐ-TTg; Quyết định 874/QĐ-TTg).	x			Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình; Công văn số 2730/UBND ngày 05/11/2019 của UBND huyện Đồng Văn; Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 02/3/2020 huyện Mèo Vạc; Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 21/2/2020 của UBND Thành Phố; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Xín Mần.
(8)	UBND các huyện (Quang Bình, TP Hà Giang, Bắc Quang, Xín Mần): Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ từ nguồn thu sử dụng đất hỗ trợ cho các đơn vị ngoài nhiệm vụ. Thực hiện việc phân bổ lại cho các xã nguồn thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.	x			Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình; Văn bản số 46/UBND-TCKH ngày 09/01/2020 của UBND TP Hà Giang; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Xín Mần; Báo cáo số 5105/BC-UBND ngày 27/10/2020 của UBND huyện Bắc Quang
(9)	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang: Điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính theo theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà	x			

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
	nước.				
(10)	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang: Chấn chỉnh, nghiêm túc rút kinh nghiệm công tác cấp giấy CNĐKĐT đảm bảo thời gian theo quy định của Luật đầu tư số 60/2014/QH13 và văn bản pháp luật có liên quan.	x			Đảng ủy Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông báo Kết luận số 06-KL/ĐU, kết luận phiên họp tháng 01/2020, yêu cầu phòng Doanh nghiệp Kinh tế tập thể và tư nhân nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ dự án, nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT đảm bảo đúng thời gian quy định của pháp luật; nghiên cứu, đổi mới phương pháp thẩm định đảm bảo khoa học, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay công tác thẩm định và cấp giấy CNĐKĐT đã có đổi mới và thực hiện đúng quy định.
(11)	UBND các huyện (Mèo Vạc, Đồng Văn, Bắc Quang, Quang Bình và Xín Mần): Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc còn để phát sinh nợ đọng XDCB; bố trí vốn cho các dự án hoàn thành còn nợ đọng XDCB, bố trí vốn cho các dự án theo kế hoạch và tiến độ thực hiện, nhằm tránh phát sinh tiếp nợ đọng XDCB và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.	x			Công văn số 2730/UBND-KTTH ngày 05/11/2019 của UBND huyện Đồng Văn; Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 02/3/2020 huyện Mèo Vạc; Biên bản họp ngày 27/12/2019 của Phòng TC-KH huyện Bắc Quang; Công văn số 544/UBND ngày 14/4/2020 của UBND huyện Quang Bình; Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 10/3/2020 của UBND huyện Xín Mần
B	Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang				
(1)	Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Hà Giang.	x			Nghị quyết số 25/NQ-HDND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Về Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa

STT	NỘI DUNG	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN			KẾT QUẢ VÀ BẢNG CHỨNG ĐÃ THỰC HIỆN; NGUYÊN NHÂN ĐANG THỰC HIỆN, CHƯA THỰC HIỆN
		ĐÃ THỰC HIỆN	ĐANG THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN	
					phương năm 2018
(2)	Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định	x			
(3)	Xem xét, sửa đổi Nghị quyết 44/2016/NQ- HĐND ngày 11/12/2016 đảm bảo số định mức các trường được hưởng không vượt quá quy định của Nghị định 116/2016/NĐ-CP.	x			Ban hành Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 sửa đổi bổ xung điều 2 Nghị quyết 44/2016/NQ- HĐND ngày 11/12/2016 (BC 488/BC-UBND ngày 08/10/2020)
C	Đối với Bộ Tài chính				
(1)	Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có phương án bố trí thu hồi vốn ứng các năm trước chưa thu hồi tới thời điểm kiểm toán.	x			Văn bản số 3092/BTC-ĐT ngày 18/3/2020
(2)	Giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí CCTL của tỉnh Hà Giang số tiền 8.856.000.000đ.	x			

